TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 811/2017/HNGĐST
Ngày 18 tháng 7 năm 2017.
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Xin**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 856/2016/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị T** - sinh năm: 1978.

Thường trú: Ấp 5, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: 30/4E ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tâm T** - sinh năm: 1973.

Thường trú: 190/1 ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 2/1R ấp N, xã T, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2016, bản tự khai ngày 20/10/2016 và tại phiên tòa, bà Đặng Thị T trình bày:

Sau một thời gian quen biết, tìm hiểu, bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Tâm T đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139 do Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/12/1997.

Trong thời gian chung sống với nhau từ khi kết hôn vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm, chăm lo cho vợ con, thường xuyên hăm dọa, đánh đập, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của bà và con gái. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã ly thân ông T từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T đã trở nên lạnh nhạt, không còn yêu

thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tâm T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Lan T, sinh ngày 19/11/1999. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Đặng Thị T có mặt theo triệu tập của Tòa án; ông Nguyễn Tâm T được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng Thị T với ông Nguyễn Tâm T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Tâm T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Tâm T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 139 do Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/12/1997 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Tâm T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, bà Đặng Thị T xác định do ông T không quan tâm, chăm lo cho vợ con, thường xuyên hăm dọa, đánh đập, gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của bà và con gái. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T xác định đã ly thân ông T từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà T và ông T đã trải qua thời gian dài không còn chung sống với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Lan T, sinh ngày 19/11/1999. Bà T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên thấy rằng, tại bản tự khai ngày 24/10/2016, cháu Nguyễn Thị Lan T xác định hiện bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và có nguyện vọng tiếp tục được sống với bà Đặng Thị T. Từ đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Đặng Thị T, giao cháu Nguyễn Thị Lan T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận việc bà Đặng Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Tâm T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T đối với ông Nguyễn Tâm T.

Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tâm T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Lan T, sinh ngày 19/11/1999 cho bà Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Tâm T cho đến khi bà Đặng Thị T có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Ngày 04/10/2016, bà Đặng Thị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số AB/2014/0009604 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân